

Ảnh hưởng của chất lượng thể chế đến sự phát triển của doanh nghiệp

PHẠM NGỌC DUY*

Tóm tắt

Bài viết sử dụng số liệu từ bộ Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI) đại diện cho chất lượng thể chế của 63 tỉnh và các chỉ tiêu đánh giá hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp trong Sách trắng doanh nghiệp Việt Nam, nghiên cứu đã tìm thấy mối liên hệ thuận chiều giữa Chất lượng thể chế và Hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp Việt. Khi Chất lượng thể chế tăng lên 1% điểm, Hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp được đo bằng nhiều chỉ tiêu đều tăng. Điều này cung cấp bằng chứng thực nghiệm về vai trò của cải cách, nâng cao chất lượng thể chế đối với hiệu quả

hoạt động của doanh nghiệp, củng cố hướng cải thiện chất lượng thể chế là đúng đắn.

Từ khóa: PCI, chất lượng thể chế, hiệu quả hoạt động doanh nghiệp

Summary

The article uses Provincial Competitiveness Index (PCI) data which represents the institutional quality of 63 provinces as well as criteria for evaluating the performance of enterprises in Vietnam white paper. As a result, it illustrates that there is a positive relationship between Institutional quality and Performance of Vietnamese enterprises. When Institutional quality increases by 1%, Performance of enterprises measured by many indicators increases. This finding provides an empirical evidence on the role of reform and improvement of institutional quality on business performance, and improving institutional quality is the right thing to do.

Keywords: PCI, institutional quality, business performance

GIỚI THIỆU

Việt Nam đã, đang và sẽ có những cải tiến về thể chế tạo điều kiện thuận lợi nhất cho sự ra đời, phát triển của doanh nghiệp. Từ năm 2005, để đánh giá về chất lượng thể chế các tỉnh trong vai trò tạo động lực cho sự phát triển kinh tế tỉnh nói chung và cho doanh nghiệp nói riêng, Việt Nam đã thực hiện việc đánh giá năng lực cạnh tranh cấp tỉnh của các tỉnh/thành phố trên toàn quốc. Việc đánh giá được điều chỉnh qua các năm nhằm phù hợp với tình hình mới, tạo tiền đề cho những thay đổi thể chế phù hợp với những yêu cầu phát triển mới đáp ứng, hỗ trợ hệ thống doanh nghiệp phát triển.

CƠ SỞ LÝ THUYẾT VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

Cơ sở lý thuyết

Vai trò của thể chế đối với doanh nghiệp như trên đã đề cập tác động đến doanh nghiệp theo hướng: (1) Ảnh hưởng đến các doanh nghiệp muốn gia nhập thị trường; (2) Ảnh hưởng đến các doanh nghiệp đang hoạt động trên thị trường.

Theo hướng thứ nhất, nhiều nhà nghiên cứu đã tìm ra mối liên hệ ngược giữa tỷ lệ gia nhập thị trường của doanh nghiệp với việc thắt chặt các quy định, thể chế trong gia nhập thị trường. Desai và cộng sự (2003) tìm thấy bằng chứng cho rằng, khi các quy định tăng lên, thì tỷ lệ rút khỏi thị trường của các công ty châu Âu tăng. Bailey và Thomas (2017) tìm thấy bằng chứng thực nghiệm về mối quan hệ giữa các quy định của liên bang và sự gia nhập của các công ty mới. Kết quả ước tính rằng, khi tăng 10% các quy định của liên bang trong một ngành nhất định, số lượng công ty mới thành lập trong ngành đó giảm 0,47%. Chambers và Munemo (2019) khẳng định rằng, việc thành lập doanh nghiệp mới thấp hơn đáng kể ở các quốc gia có rào cản gia nhập quá cao, chất lượng thể chế yếu hoặc cả hai.

Hướng thứ hai mà các quy định, thể chế tác động đến doanh nghiệp đó là ảnh hưởng tới năng suất của các công ty đang hoạt động. Khi thể chế khiến các

* Viện Kinh tế và quản lý - Đại học Bách khoa Hà Nội

Ngày nhận bài: 15/12/2022; Ngày phản biện: 14/01/2023; Ngày duyệt đăng: 18/01/2023

doanh nghiệp mới gia nhập ngành khó khăn hơn sẽ khiến cho số lượng doanh nghiệp trong ngành không tăng, hoặc giảm đi. Điều này kìm hãm tính cạnh tranh trong ngành và cả nền kinh tế, làm giảm hiệu quả trong phân phối nguồn lực sản xuất của ngành và nền kinh tế. Djankov và cộng sự (2002) tìm ra bằng chứng về sự thất bại thể chế sẽ dẫn đến hiệu quả các tổ chức công cộng giảm sút, tăng các hiện tượng tham nhũng dẫn đến hiệu quả hoạt động doanh nghiệp giảm. Xu (2011) tìm ra bằng chứng thực nghiệm về mối quan hệ thuận chiều giữa sự đơn giản hóa các thủ tục hành chính với năng suất lao động của doanh nghiệp. Dempere và Pauceanu (2022) sử dụng số liệu của 118 nước từ năm 2014 đến năm 2019 kết hợp mô hình tuyến tính tổng quát và mô hình bình phương nhỏ nhất có trọng số tìm thấy mối liên hệ thuận giữa Chỉ số Doanh nhân Toàn cầu và các chỉ số tự do tài chính và kinh doanh.

Các quy định, thể chế ảnh hưởng đến hiệu quả hoạt động doanh nghiệp thông qua việc thay đổi các quy tắc chung, thay đổi các cơ chế khuyến khích. Các nghiên cứu cho thấy, khi chất lượng thể chế yếu kém sẽ tạo điều kiện cho tham nhũng, phân bổ nguồn lực không hiệu quả, nguồn lực sẽ chuyển hướng đến các công ty hiệu quả thấp. Nghiên cứu của Boettke và Coyne (2009) cho thấy, kết quả hoạt động của doanh nghiệp có mối liên hệ trực tiếp với chất lượng thể chế. Theo Khyareh (2021), các chỉ tiêu chất lượng thể chế có tác động đến các hoạt động của doanh nghiệp. Nghiên cứu của Ajide và Osinubi (2022) cho thấy rõ vai trò quan trọng của chất lượng thể chế trong khâu trung gian truyền dẫn ảnh hưởng của viện trợ, kiều hối với hoạt động của doanh nghiệp. Callais và Pavlik (2022) cũng khẳng định tự do kinh tế là nhân tố góp phần nâng cao hiệu quả đầu ra cho doanh nghiệp, như thất nghiệp giảm, số lao động tăng lên hay thu nhập bình quân một lao động tăng.

Mô hình nghiên cứu

Để đánh giá khái quát chất lượng thể chế ảnh hưởng đến hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp, mô hình được sử dụng là:

$$\ln X_{it} = \beta_0 + \beta_1 \ln POP_{it} + \beta_2 \ln INCOME_{it} + \beta_3 \ln PCI_{it} + \delta_t + \gamma_i + \varepsilon_{it} \quad (1)$$

Trong đó: X_{it} là biến phụ thuộc, đo lường hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp thông qua các chỉ tiêu: Số doanh nghiệp đang hoạt động tại các tỉnh, số

lao động, lợi nhuận trước thuế, doanh thu thuần và tổng nguồn vốn của tỉnh i vào năm t ; POP_{it} , $INCOME_{it}$, PCI_{it} lần lượt là dân số, thu nhập bình quân trên người và điểm năng lực cạnh tranh cấp tỉnh của tỉnh i và năm t ; X , POP , $INCOME$, PCI đều được lấy logarit cơ số tự nhiên. δ_t biến giả ảnh hưởng cố định biến thời gian, biến này nhằm kiểm soát các biến động, các cú sốc vĩ mô theo thời gian; γ_i biến giả kiểm soát những đặc trưng riêng của từng vùng ảnh hưởng đến hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp; và ε_{it} là các nhiễu hay các nhân tố khác không đo lường được tác động đến hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp.

Mô hình 1 giúp nghiên cứu trả lời câu hỏi PCI sẽ ảnh hưởng tổng quát như thế nào đến hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp. Tuy nhiên, PCI được cấu thành từ 10 biến thành phần, nên để thấy rõ hơn sự tác động của từng thành phần trong PCI nhằm có những cải biến thể chế phù hợp nhất, nghiên cứu sử dụng Mô hình 2 như sau:

$$\ln X_{it} = \beta_0 + \beta_1 \ln POP_{it} + \beta_2 \ln INCOME_{it} + \beta_3 \ln Z_{it}^k + \delta_t + \gamma_i + \varepsilon_{it} \quad (2)$$

Trong đó, các biến: X_{it} , POP_{it} , $INCOME_{it}$, PCI_{it} , δ_t , γ_i và ε_{it} giống như trong phương trình 1; Z_{it}^k là chỉ tiêu thành phần thứ k trong 10 chỉ tiêu thành phần cấu thành lên PCI tương ứng gồm: (1) Gia nhập thị trường; (2) Tiếp cận đất đai; (3) Tính minh bạch; (4) Chi phí không chính thức; (5) Chi phí thời gian; (6) Cạnh tranh bình đẳng; (7) Tính năng động; (8) Chính sách hỗ trợ doanh nghiệp; (9) Đào tạo lao động; (10) Thiết chế pháp lý.

Phương pháp nghiên cứu

Nghiên cứu sử dụng số liệu chỉ số PCI được lấy từ nguồn số liệu của Liên đoàn Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (VCCI), với sự hỗ trợ của Cơ quan Phát triển Quốc tế Hoa Kỳ (USAID) tại Việt Nam. Nghiên cứu sử dụng số liệu năm 2017 và năm 2018 vì: (1) Sách trắng Việt Nam 2019, số liệu doanh nghiệp được công bố cho năm 2017 và 2018. Tổng cục Thống kê đã phát hành các ấn phẩm Sách trắng Việt Nam cho đến năm 2022. Tuy nhiên, để tránh những ảnh hưởng quá lớn từ dịch Covid-19 đến hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp, cũng như chất lượng quản lý, nên nghiên cứu chỉ sử dụng số liệu năm 2017 và 2018; (2) PCI cũng có nhiều lần điều chỉnh các chỉ tiêu cấu thành và lần điều chỉnh cuối cùng của Chỉ số này vào năm 2017, năm 2021, điều chỉnh phương pháp tính toán chỉ số. Với những lý do trên, nghiên cứu tập trung tìm kiếm mối liên hệ giữa chất lượng thể chế và hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp trong 2 năm (2017 và 2018) của 63 tỉnh thành (*Bài viết sử dụng cách viết số thập phân theo chuẩn quốc tế*).

KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

Trước tiên nghiên cứu xem xét mức độ ảnh hưởng tổng thể của chất lượng thể chế đến kết quả hoạt động của doanh nghiệp bằng Mô hình 1. Kết quả ước lượng (Bảng 1) cho thấy, các nhân tố về Dân số và Thu nhập bình quân đều có mối quan hệ thuận chiều với Hiệu

BẢNG 1: ẢNH HƯỞNG CỦA PCI ĐẾN HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
Biến	lnsoDN	lnsold	lnLNTTT	lnDTT	lnnvon
Lnpop	1.017*** (0.0784)	0.859*** (0.0915)	0.744*** (0.223)	0.794*** (0.111)	1.000*** (0.116)
Lnincome	1.114*** (0.170)	1.099*** (0.198)	2.208*** (0.488)	1.777*** (0.240)	1.083*** (0.251)
lnPCI	2.536** (1.083)	5.416*** (1.263)	8.698*** (2.962)	5.047*** (1.529)	4.986*** (1.604)
Hằng số	-18.28*** (3.992)	-25.92*** (4.656)	-51.47*** (10.92)	-29.39*** (5.637)	-24.74*** (5.912)
Số quan sát	124	124	108	124	124
R bình phương	0.861	0.850	0.671	0.832	0.793

Ghi chú: Sai số chuẩn được trình bày trong ngoặc đơn; ***, ** và * thể hiện mức ý nghĩa của các tham số ước lượng được tương ứng với 99%, 95% và 90%; soDN, sold, LNTTT, DTT và nvon tương ứng là số doanh nghiệp đang hoạt động tại các tỉnh, số lao động, lợi nhuận trước thuế, doanh thu thuần và tổng nguồn vốn; ln là logarit cơ số tự nhiên; hệ số ước lượng của ảnh hưởng cố định thời gian và vùng không trình bày trong bảng.

BẢNG 2: ẢNH HƯỞNG CÁC CHỈ TIÊU THÀNH PHẦN CỦA PCI ĐẾN HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

VARIABLES	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
lnpop	0.932*** (0.0804)	0.838*** (0.0961)	0.666*** (0.247)	0.791*** (0.111)	0.924*** (0.120)
lnincome	1.012*** (0.187)	0.965*** (0.223)	1.643*** (0.613)	1.433*** (0.257)	0.995*** (0.279)
Gia nhập thị trường	0.675 (0.574)	0.238 (0.681)	-1.739 (1.745)	-0.167 (0.792)	0.870 (0.861)
Tiếp cận đất đai	-0.00136 (0.554)	1.145* (0.658)	-2.646 (1.731)	0.636 (0.765)	0.515 (0.831)
Tính minh bạch	0.0123 (0.653)	-0.0417 (0.775)	1.196 (1.992)	0.408 (0.902)	0.785 (0.979)
Chi phí thời gian	0.294 (0.504)	-0.111 (0.598)	-0.390 (1.546)	0.143 (0.696)	0.242 (0.756)
Chi phí không chính thức	-0.0870 (0.400)	0.459 (0.475)	2.177* (1.231)	0.613 (0.553)	0.527 (0.600)
Cạnh tranh bình đẳng	-0.451 (0.289)	-0.448 (0.342)	-0.550 (0.878)	-0.838** (0.398)	-1.275*** (0.433)
Tính năng động	0.393 (0.404)	0.904* (0.480)	1.802 (1.281)	1.492*** (0.558)	0.603 (0.606)
Chính sách hỗ trợ DN	1.083** (0.463)	1.420** (0.549)	1.698 (1.467)	0.975 (0.639)	1.913*** (0.694)
Đào tạo lao động	1.432*** (0.510)	1.846*** (0.605)	3.644** (1.712)	2.321*** (0.704)	1.332* (0.765)
Thiết chế pháp lý	-0.614 (0.456)	-0.623 (0.541)	-0.417 (1.342)	-1.529** (0.630)	-0.703 (0.684)
Constant	-9.273*** (1.576)	-7.029*** (1.883)	-15.08*** (5.419)	-9.903*** (2.170)	-8.238*** (2.351)
Observations	124	124	108	124	124
R-squared	0.887	0.872	0.704	0.871	0.830

Ghi chú: Sai số chuẩn được trình bày trong ngoặc đơn; ***, ** và * thể hiện mức ý nghĩa của các tham số ước lượng được tương ứng với 99%, 95% và 90%; soDN, sold, LNTTT, DTT và nvon tương ứng là số doanh nghiệp đang hoạt động tại các tỉnh, số lao động, lợi nhuận trước thuế, doanh thu thuần và tổng nguồn vốn; ln là logarit cơ số tự nhiên; các chỉ tiêu thành phần của thể chế được lấy logarit cơ số tự nhiên; hệ số ước lượng ảnh hưởng cố định của thời gian và vùng không trình bày trong bảng.

quả hoạt động của doanh nghiệp. Cả 5 chỉ tiêu đo lường hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp đều cho cùng một kết quả. Khi Dân số tăng hay Thu nhập bình quân tăng, thì Số lao động, Số doanh nghiệp, Số vốn, Doanh thu thuần và Lợi nhuận trước thuế của doanh nghiệp

đều tăng. Đặc biệt, PCI trong nghiên cứu cũng cho thấy, kết quả tương tự như các nghiên cứu trước. Khi PCI tăng hay Chất lượng thể chế tăng lên một điểm 1%, thì Hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp sẽ tăng. Số lao động sẽ tăng 2,54%, Lợi nhuận trước thuế tăng 8,7% khi PCI tăng 1%. Các chỉ tiêu khác đo lường Hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp cũng cho kết quả tương tự. Điều này khẳng định, Chất lượng thể chế ảnh hưởng rõ nét đến Hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp.

Hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp là một trong những nhân tố quyết định đến sự phát triển kinh tế của mỗi quốc gia. Khi doanh nghiệp hoạt động hiệu quả, tức là các nguồn lực được phân phối hiệu quả, hay nói cách khác là nguồn lực không bị lãng phí. Thông qua kết quả phân tích, Chất lượng thể chế chính là một trong những nhân tố nâng cao hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp. Do vậy, để nâng cao hiệu quả hoạt động, các tỉnh, thành phố trên cả nước cần tập trung nâng cao chất lượng thể chế nói chung; hay nói cách khác, cải thiện thể chế sẽ được thể hiện thông qua điểm đánh giá năng lực cạnh tranh cấp tỉnh.

Chất lượng thể chế (điểm PCI) được tổng hợp từ nhiều điểm thành phần. Như trên đã đề cập, PCI được tổng hợp từ 10 chỉ tiêu thành phần, trong đó, chỉ tiêu Tính minh bạch, Chính sách hỗ trợ doanh nghiệp và Đào tạo lao động là 3 chỉ tiêu được gán trọng số lớn nhất (20%) để tính PCI; Chi phí không chính thức gán trọng số 10% và các chỉ tiêu khác được gán trọng số 5%. Điều này cho thấy tầm quan trọng của từng chỉ số đối với hoạt động của doanh nghiệp. Tính minh bạch, Chính sách hỗ trợ doanh nghiệp và Đào tạo lao động là 3 chỉ tiêu thành phần được cho là quan trọng nhất đối với hoạt động doanh nghiệp. Do vậy, việc đánh giá chất lượng thể chế chi tiết theo từng thành phần để thấy được xu hướng tác động, cũng như mức độ tác động, từ đó điều chỉnh thể chế phù hợp là quan trọng. Nghiên cứu sử dụng chi tiết 10 chỉ tiêu thành phần để ước lượng mức độ, cũng như xu hướng tác động của chúng lên hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp. Kết quả ước lượng (Bảng 2) cho thấy, Dân số và Thu nhập bình quân ảnh hưởng dương đến Hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp. Riêng đối với Chất lượng thể chế, nghiên cứu không tìm thấy được mối liên hệ giữa Hiệu quả hoạt

động với Chất lượng thể chế của một số chỉ tiêu, như: Gia nhập thị trường, Tính minh bạch, Chi phí thời gian; một số chỉ tiêu thì tác động đến một trong các chỉ tiêu đo lường hiệu quả hoạt động doanh nghiệp, như: Tiếp cận đất đai, Chi phí không chính thức và Thiết chế pháp lý; các chỉ tiêu còn lại ảnh hưởng lên ít nhất hai chỉ tiêu đo lường hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp.

Trong số các chỉ tiêu ảnh hưởng lên ít nhất 2 chỉ tiêu đo lường Hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp, đáng chú ý là Chính sách hỗ trợ doanh nghiệp và Đào tạo lao động. Đây là 2 chỉ tiêu ảnh hưởng đến nhiều tiêu chí đo lường hiệu quả hoạt động doanh nghiệp nhất, trong đó Đào tạo lao động đều có tác động đến cả 5 chỉ tiêu đo lường Hiệu quả hoạt động doanh nghiệp. Điều này cũng cho thấy, việc đánh trọng số của các chỉ tiêu thành phần để tổng hợp PCI. Hai trong số 3 chỉ tiêu quan trọng nhất cấu thành lên PCI đều tác động lên nhiều nhất các chỉ tiêu đánh giá hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp. Và kết quả ước lượng cho thấy, cả 2 chỉ tiêu này đều tác động cùng chiều lên Hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp. Tức là khi chính sách hỗ trợ doanh nghiệp tốt hơn (tăng 1% điểm) số doanh nghiệp, số lao động trong doanh nghiệp hay lượng vốn của doanh nghiệp đều tăng với mức tương ứng là 1%, 1,4% và 1,9%. Đào tạo lao động tác

động thuận chiều đến Hiệu quả hoạt động, khi hoạt động đào tạo lao động tốt hơn (tăng 1% điểm), thì số doanh nghiệp, số lao động trong doanh nghiệp, lượng vốn, doanh thu thuần và lợi nhuận trước thuế đều tăng lên tương ứng với các mức % như sau: 1,4%, 1,3%, 1,8%, 2,3% và 3,6%. Tính năng động và cạnh tranh bình đẳng tác động đến Hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp ở hai chỉ tiêu đo lường. Tính năng động cũng là nhân tố Thể chế tác động tích cực đến hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp. Cạnh tranh bình đẳng làm giảm doanh thu và nguồn vốn của doanh nghiệp, điều này cũng hoàn toàn phù hợp với các nghiên cứu trước đây. Vì khi cạnh tranh tăng lên, thì khả năng tìm kiếm lợi nhuận của các doanh nghiệp hiện có sẽ giảm đi do phải chia sẻ với các doanh nghiệp mới gia nhập thị trường. Còn các chỉ tiêu khác chỉ tác động đến một chỉ tiêu đo lường hiệu quả hoặc không tác động đến chỉ tiêu nào.

KẾT LUẬN

Kết quả nghiên cứu cho thấy, khi chất lượng thể chế được cải thiện, hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp sẽ được nâng lên. Điều này cho thấy rõ vai trò của thể chế đối với hoạt động của doanh nghiệp. Tuy nhiên, nhân tố Thể chế được cấu thành từ nhiều chỉ tiêu thành phần. Nghiên cứu đã cho thấy, 2 trong 3 chỉ tiêu thành phần được gán trọng số lớn nhất để tính chất lượng thể chế tổng hợp ảnh hưởng lớn nhất đến hầu hết các chỉ tiêu đo lường Hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp là Chính sách hỗ trợ doanh nghiệp và Đào tạo lao động; chỉ tiêu Tính năng động hay Cạnh tranh bình đẳng cũng là những thành phần pháp chế ảnh hưởng mạnh mẽ đến hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp. □

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. AJide, F. M., Osinubi, T. (2022), Foreign Aid And Entrepreneurship In Africa: The Role Of Remittances And Institutional Quality, *Economic Change And Restructuring*, 55(3), doi:10.1007/s10644-020-09305-5.
2. Bailey, J. B., and D. W. Thomas (2017), Regulating Away Competition: The Effect of Regulation on Entrepreneurship and Employment, *Journal of Regulatory Economics*, 52, 237-54.
3. Bjørnskov, C., and Foss, N. (2008), Economic Freedom and Entrepreneurial Activity: Some Cross-Country Evidence, *Public Choice*, 134 (3), 307-28.
4. Boettke, P., and C. Coyne. (2009), Context Matters: Institutions and Entrepreneurship, *Foundations and Trends in Entrepreneurship*, 5(3), 135-209.
5. Callais, J. T., and Pavlik, J. B. (2022), Does economic freedom lighten the blow? Evidence from the great recession in the United States, *Economics of Governance*, DOI:10.1007/s10101-022-00283-0.
6. Chambers, D., Munemo, J. (2019), Regulations, institutional quality and entrepreneurship, *Journal of Regulatory Economics*, 55, 46-66.
7. Desai, M., P. Gompers, and J. Lerner (2003), *Institutions, Capital Constraints and Entrepreneurial Firm Dynamics: Evidence from Europe*, NBER Working Paper No. 10165, Available at SSRN: <https://ssrn.com/abstract=478675>.
8. Djankov, S., La Porta, R., Lopez-de-Silanes, F., and Shleifer, A. (2002), The Regulation of Entry, *Quarterly Journal of Economics*, 117(1), 1-37.
9. Xu, L. (2011), The Effects of Business Environments on Development: Surveying New FirmLevel Evidence, *World Bank Research Observer*, 26(2), 310-340.